

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

I – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHÚC

1. Ôn lại khái niệm từ đơn, từ phức. Phân biệt các loại từ phức.

2. Trong những từ sau, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy ?

ngặt nghèo, nho nhỏ, giam giữ, gật gù, bó buộc, tươi tốt, lạnh lùng, bợt bèo, xa xôi, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn, lấp lánh.

3. Trong các từ láy sau đây, từ láy nào có sự "giảm nghĩa" và từ láy nào có sự "tăng nghĩa" so với nghĩa của yếu tố gốc ?

trắng trăng, sạch sành sanh, đèn đẹp, sát sàn sạt, nho nhỏ, lành lạnh, nhấp nhô, xóm xóp.

II – THÀNH NGỮ

1. Ôn lại khái niệm thành ngữ.

2. Trong những tổ hợp từ sau đây, tổ hợp nào là thành ngữ, tổ hợp nào là tục ngữ ?

a) *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*

b) *đánh trống bỏ dùi*

c) *chó treo mèo đây*

d) *được voi đòi tiên*

e) *nước mắt cá sấu*

Giải thích nghĩa của mỗi thành ngữ, tục ngữ đó.

3. Tìm hai thành ngữ có yếu tố chỉ động vật và hai thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật. Giải thích ý nghĩa và đặt câu với mỗi thành ngữ tìm được.

4. Tìm hai dẫn chứng về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương.

III – NGHĨA CỦA TỪ

1. Ôn lại khái niệm nghĩa của từ.

2. Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau :

a) Nghĩa của từ *mẹ* là "người phụ nữ, có con, nói trong quan hệ với con".

b) Nghĩa của từ *mẹ* khác với nghĩa của từ *bố* ở phần nghĩa "người phụ nữ, có con".

c) Nghĩa của từ *mẹ* không thay đổi trong hai câu : *Mẹ em rất hiền và Thất bại là mẹ thành công.*

d) Nghĩa của từ *mẹ* không có phần nào chung với nghĩa của từ *bà*.

3. Cách giải thích nào trong hai cách giải thích sau là đúng ? Vì sao ?

Độ lượng là :

- a) đức tính rộng lượng, dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ.
- b) rộng lượng, dễ thông cảm với người có sai lầm và dễ tha thứ.

IV – TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

1. Ôn lại khái niệm từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
2. Trong hai câu thơ sau, từ *hoa* trong *thêm hoa, lệ hoa* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa được không ? Vì sao ?

*Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng !*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

V – TỪ ĐỒNG ÂM

1. Ôn lại khái niệm từ đồng âm. Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm.
2. Trong hai trường hợp (a) và (b) sau đây, trường hợp nào có hiện tượng từ nhiều nghĩa, trường hợp nào có hiện tượng từ đồng âm ? Vì sao ?

- a) Từ *lá*, trong :

*Khi chiếc lá xa cành
Lá không còn màu xanh
Mà sao em xa anh
Đời vẫn xanh rời rợi.*

(Hồ Ngọc Sơn, *Gửi em dưới quê làng*)

và trong : *Công viên là lá phổi của thành phố.*

- b) Từ *đường*, trong :

Đường ra trận mùa này đẹp lắm.

(Phạm Tiến Duật, *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*)

và trong : *Ngọt như đường.*

VI – TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Ôn lại khái niệm từ đồng nghĩa.

2. Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau :

a) *Đồng nghĩa là hiện tượng chỉ có trong một số ngôn ngữ trên thế giới.*

b) *Đồng nghĩa bao giờ cũng là quan hệ nghĩa giữa hai từ, không có quan hệ đồng nghĩa giữa ba hoặc hơn ba từ.*

c) *Các từ đồng nghĩa với nhau bao giờ cũng có nghĩa hoàn toàn giống nhau.*

d) *Các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế nhau được trong nhiều trường hợp sử dụng.*

3. Đọc câu sau :

Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp.

(Hồ Chí Minh, *Dị chúc*)

Cho biết dựa trên cơ sở nào, từ *xuân* có thể thay thế cho từ *tuổi*. Việc thay từ trong câu trên có tác dụng diễn đạt như thế nào ?

VII – TỪ TRÁI NGHĨA

1. Ôn lại khái niệm từ trái nghĩa.

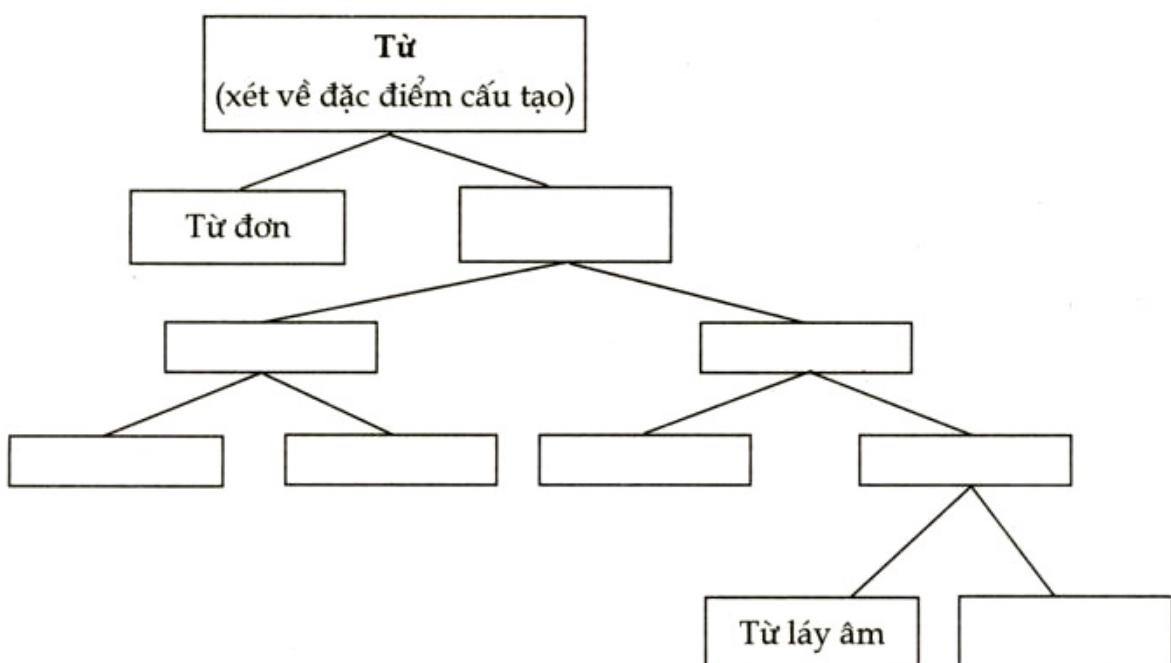
2. Cho biết trong các cặp từ sau đây, cặp từ nào có quan hệ trái nghĩa : *ông – bà, xấu – đẹp, xa – gần, voi – chuột, thông minh – lười, chó – mèo, róng – hép, giàu – khốn.*

3*. Cho những cặp từ trái nghĩa sau : *sống – chết, yêu – ghét, chấn – lê, cao – thấp, chiến tranh – hòa bình, già – trẻ, nông – sâu, giàu – nghèo.*

Có thể xếp những cặp từ trái nghĩa này thành hai nhóm : nhóm 1 như *sống – chết* (không sống có nghĩa là đã chết, không chết có nghĩa là còn sống), nhóm 2 như *già – trẻ* (không già không có nghĩa là trẻ, không trẻ không có nghĩa là già). Hãy cho biết mỗi cặp từ trái nghĩa còn lại thuộc nhóm nào.

VIII – CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

1. Ôn lại khái niệm cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.
2. Vận dụng kiến thức về các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt đã học ở lớp 6 và lớp 7 để điền từ ngữ thích hợp vào các ô trống trong sơ đồ sau. Giải thích nghĩa của những từ ngữ đó theo cách dùng từ ngữ nghĩa rộng để giải thích nghĩa của từ ngữ nghĩa hẹp. Chẳng hạn : *từ đơn* là *từ* có một tiếng. (Để giải thích nghĩa của *từ đơn* phải dùng một cụm từ trong đó có *từ* là từ có nghĩa rộng so với *từ đơn*.)



IX – TRƯỜNG TỪ VỰNG

1. Ôn lại khái niệm trường từ vựng.
2. Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích sự độc đáo trong cách dùng từ ở đoạn trích sau :

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thăng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)